DU LỊCH SỐ GẮN VỚI DU LỊCH CỘNG ĐỒNG: NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU NON NƯỚC CAO BẰNG

TS. Cao Thị Thanh Phượng* - TS. Nguyễn Quang Hợp*

Ngành du lịch đóng vai trò quan trọng cho phục hồi kinh tế, tạo việc làm và các nguồn lực cần thiết cho một đất nước. Trong các loại hình du lịch thì du lịch cộng đồng (DLCĐ) có tầm quan trọng đặc biệt, bởi du lịch gắn với cộng đồng, cộng đồng là người chủ sở hữu, tham gia quản lý, thực hiện và hưởng lợi chính. Hiện nay, trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, ngành du lịch đang đứng trước động lực và cả thách thức phải thúc đẩy quá trình đổi mới, sáng tạo để tạo ra những cơ hội mới nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển ngành một cách bền vững. Vì vậy, nghiên cứu phát triển du lịch cộng đồng gắn với du lịch số là hướng đi mới cho vùng Công viên địa chất toàn cầu (CVĐCTC) Non nước Cao Bằng. Bên cạnh đó, bài viết còn chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển du lịch tại vùng Công viên địa chất toàn cầu (CVĐCTC) Non nước Cao Bằng thông qua phương pháp điều tra khảo sát với 270 phiếu hợp lệ, tiến hành phỏng vấn 04 đối tượng. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS qua các bước: kiểm định hệ số Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá EFA; phân tích tương quan; phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 05 nhân tố có ảnh hưởng tới phát triển du lịch cộng đồng tại vùng nghiên cứu, bao gồm: Sức hấp dẫn điểm đến; Khả năng tiếp cận điểm đến; Cơ sở hạ tầng điểm đến; Sự tham gia du lịch cộng đồng của người dân địa phương; Sự hợp tác và hỗ trợ từ tổ chức bên ngoài.

• Từ khóa: *du lịch số, du lịch cộng đồng; công viên địa chất toàn cầu non nước Cao Bằng; tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa liên hợp quốc - UNESCO.*

Ngày nhận bài: 06/01/2026
Ngày gửi phản biện: 10/02/2026
Ngày duyệt đăng: 08/3/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i309.60

The tourism industry plays a crucial role in economic recovery, job creation, and providing essential resources for a country. Among various forms of tourism, community-based tourism (CBT) is of particular importance because it is closely linked to the community, which is the owner, participates in management, implements, and benefits primarily from it. Currently, in the context of strong digital transformation, the tourism industry faces both the impetus and the challenges of promoting innovation and creativity to create new opportunities to enhance competitiveness and develop the industry sustainably. Therefore, researching the development of community-based tourism linked to digital tourism is a new direction for the Non Nuoc Cao Bang Global Geopark. In addition, the article identifies factors influencing tourism development in the Non Nuoc Cao Bang Global Geopark through a survey method with 270 valid questionnaires and interviews with 4 subjects. Survey data was processed using SPSS software through the following steps: Cronbach's Alpha coefficient test; Exploratory Factor Analysis (EFA); correlation analysis; regression analysis; and hypothesis testing. The research results identified five factors influencing community tourism development in the study area, including: Destination attractiveness; Destination accessibility; Destination infrastructure; Local people's participation in community tourism; and Cooperation and support from external organizations.

• Key words: *digital tourism, community tourism; Cao Bang geopark; united nations educational, scientific and cultural organization - UNESCO.*

1. Mở đầu

Ngành du lịch được nhiều quốc gia coi trọng trong đó có Việt Nam, nhận thức rõ những cơ hội, thách thức mà cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại cũng như yêu cầu cấp bách của việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số (CĐS) quốc gia, trong đó có CĐS trong lĩnh vực du lịch, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1671/QĐ-TTg, ngày 30/11/2018 phê duyệt "Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du

** Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên; email: caothanhphuong@tueba.edu.v*

lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó nhấn mạnh ưu tiên phát triển du lịch số, du lịch thông minh. Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL, ngày 21/12/2022 phê duyệt Đề án "Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn". Theo đó, Tổng cục Du lịch cũng đã ban hành Quyết định số 553/QĐ-TCDL về Kế hoạch triển khai Đề án "Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn" nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL.

Từ đó, ngành du lịch đang từng bước hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh thông qua việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số ngành du lịch; thiết lập kết nối liên thông hệ thống thông tin giữa cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ số hỗ trợ khách du lịch, phát triển điểm đến du lịch thông minh; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng công nghệ góp phần phát triển ngành du lịch một cách bền vững.

Bên cạnh đó, để phát triển du lịch và đặc biệt là loại hình DLCĐ thì địa phương phải có tiềm năng về thiên nhiên và giá trị nhân văn sâu sắc, tức là cần có phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp hùng vỹ và truyền thống văn hóa đặc sắc được người dân bản địa gìn giữ và duy trì. Vì vậy, phát triển DLCĐ sẽ có tính bền vững, bởi không chỉ giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, mà còn bảo tồn và phát huy những nét văn hoá đặc sắc riêng có của địa phương.

Tại tỉnh Cao Bằng với một hệ thống di sản địa chất đặc biệt mang tầm vóc quốc tế cùng với các tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn đặc sắc đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận CVĐC toàn cầu Non nước vào năm 2018. Đây là cơ hội lớn cho phát triển du lịch của tỉnh nói chung và của vùng CVĐCTC Non nước Cao Bằng nói riêng để phát triển mục tiêu kép, vừa củng cố công tác bảo tồn, vừa phát triển du lịch bền vững và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tỉnh Cao Bằng vẫn còn là một địa phương nghèo so với cả nước với tỷ lệ hộ nghèo 42,53% (năm 2016) đã giảm xuống còn 24,71 % (năm 2023) và còn 20,04 % (năm 2025) nhưng vẫn còn khá cao. Để khắc phục tình trạng này, tỉnh Cao Bằng triển khai nhiều kế hoạch và đề án về du lịch và đã đạt được một số chuyển biến tích cực, cụ thể giai đoạn 2015 - 2020 tổng số lượng khách du lịch đến tỉnh đạt trên 5 triệu lượt người (tăng 98%) bình quân tăng 19%/năm; doanh thu du lịch đạt trên 1.200 tỷ đồng (tăng 192%) so với giai đoạn 2010 - 2015; tăng trưởng du lịch bình quân đạt 25,8%/năm. Tuy nhiên, kết quả này chưa tương xứng với thế mạnh và tiềm năng của vùng. Vì vậy, nghiên cứu xác định nhân tố ảnh hưởng tới phát triển DLCĐ tại CVĐCTC Non nước Cao Bằng sẽ giúp tỉnh tìm ra giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch số gắn với DLCĐ hơn nữa để góp phần tăng trưởng kinh tế và bảo tồn giá trị tài nguyên du lịch địa phương.

2. Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tại vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng

Vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng có diện tích 3.390 km^2 bao gồm thành phố Cao Bằng và huyện: Quảng Hòa, Trùng Khánh, Hạ Lang và một phần diện tích các huyện Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Thạch An [1]. Đến với nơi đây, du khách có thể tìm hiểu lịch sử tiến hóa trên 500 triệu năm của vỏ Trái Đất qua các hóa thạch, trầm tích biển, đá núi lửa, khoáng sản, các cảnh quan đá vôi, hang động, ... những di sản địa chất mang tầm vóc đặc sắc toàn cầu. Nhờ sở hữu những tài nguyên có ý nghĩa và giá trị lịch sử to lớn, vùng CVĐCTC Non nước Cao Bằng có lợi thế để phát triển DLCĐ.

2.1. Tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên

Về vị trí địa lý: CVĐCTC Non nước Cao Bằng có vị trí địa lý rất quan trọng vì là điểm kết nối giữa CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn với CVĐC Lạng Sơn (đang được đề nghị UNESCO công nhận là CVĐC toàn cầu thứ 4 của Việt Nam) qua đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và đồng bằng Sông Hồng qua đường cao tốc Hà Nội - Đồng Đăng và Biển Đông qua đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái. Hệ thống đường bộ và đường thủy tiếp giáp với Trung Quốc, lại có nhiều điểm du lịch nằm gần biên giới Việt - Trung. Đường biên giới này dài tới 333 km với nhiều cửa khẩu, tạo nên sự thuận lợi trong thu hút du khách quốc tế từ

thị trường lớn Trung Quốc. Đường bộ tiếp giáp với Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh Cao Bằng trong việc liên kết phát triển du lịch nói chung và DLCĐ nói riêng.

Về danh lam thắng cảnh: Nơi đây có 5 danh thắng được công nhận ở cấp quốc gia gồm Thác Bản Giốc, Động Ngườm Ngao, Hồ Thang Hen, Núi Mắt Thần và Động Dơi. Trong đó, Thác Bản Giốc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh) cao 53 m, rộng 300 m có 3 tầng với nhiều ngọn thác lớn nhỏ khác nhau - là 1 trong 10 thác nước đẹp nhất thế giới và đẹp nhất nước ta, được Website du lịch nổi tiếng Lonely Planet xếp hạng là một trong 10 địa điểm du lịch đẹp nhất Việt Nam, là một trong 50 địa điểm có tầm nhìn ngoạn mục, nổi bật nhất trong những kỳ quan và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn trên khắp thế giới. Bên cạnh đó còn có Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén với đỉnh Phja Oắc cao 1931 m - nóc nhà phía Tây của tỉnh Cao Bằng, nổi tiếng với đa dạng sinh học cao và khí hậu ôn đới, một "Sapa" còn hoang sơ, tuyệt đẹp của Cao Bằng.

Về di sản địa chất và nguồn động thực vật quý hiếm: Là một miền đất hiếm có, nơi có thể tìm hiểu lịch sử trên 500 triệu năm của Trái Đất qua các dấu tích hóa thạch, trầm tích biển, đá núi lửa, khoáng sản, … Đặc biệt là các cảnh quan đá vôi - di sản địa chất đặc sắc, là những minh chứng tuyệt vời cho sự tiến hóa và thay đổi của Trái Đất. Ngoài ra, nơi đây cũng nổi tiếng với các giá trị sinh học đa dạng cùng nhiều hệ sinh thái, giống loài động thực vật đặc hữu, nhiều loại gỗ quý như thông, kim giao, pơmu,…; nhiều loại dược liệu quý như đẳng sâm, tam thất,…; các loại cây ăn quả nổi tiếng như lê Đông Khê, hạt dẻ Trùng Khánh, quýt Trà Lĩnh,…; nhiều quần thể thực vật rừng; nhiều loại động vật quý hiếm cần được bảo vệ.

2.2. Tiềm năng về tài nguyên nhân văn

Về văn hóa: CVĐCTC Non nước Cao Bằng là vùng đất cổ với tài nguyên văn hóa đậm đà bản sắc, là nơi cư trú của 09 dân tộc, các giá trị văn hóa - nghệ thuật, dân ca, dân nhạc, dân vũ, dân gian truyền thống cũng thu hút khách DL như: Hát Then, hát Sli, hát Lượn, lượn Hai, lượn Slương, đàn Tính,... Bộ VHTT&DL đã đưa 04 di sản vào danh mục di sản phi vật thể quốc gia, đó là: Nghi lễ Then của đồng bào Tày; Lễ hội Nàng Hai của đồng bào Tày, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa; Nghề rèn của đồng bào Nùng An, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa; Lễ hội Tranh đầu pháo của đồng bào Nùng, Thị trấn Quảng Uyên (huyện Quảng Hòa). Trong đó, thực hành nghi lễ Then đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Về di tích lịch sử, cội nguồn cách mạng: Vùng đất Cao Bằng có truyền thống lịch sử, là cội nguồn của cách mạng giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Nơi đây với bề dày lịch sử cùng nét văn hóa đa sắc đã hình thành quần thể di sản văn hóa, có 214 di tích, trong đó 94 di tích được xếp hạng; có 3 Di tích quốc gia đặc biệt; 23 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 68 di tích xếp hạng cấp tỉnh; có 02 Bảo vật quốc gia (Bia Ma Nhai Ngự Chế của vua Lê Thái Tổ, Đôi chuông Chùa Viên Minh ở Đền Quan Triều). Qua đó, nhận thấy ít có vùng đất nào của nước ta lại có nhiều di sản thiên nhiên, di sản văn hóa - lịch sử xếp hạng quốc tế, quốc gia đặc biệt và quốc gia như vùng CVĐCTC Non nước Cao Bằng. Với các tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân phong phú của nơi đây sẽ là điều kiện đồng thời cũng là đòi hỏi cho sự phát triển DLCĐ.

Về làng nghề thủ công truyền thống: CVĐCTC Non nước Cao Bằng có các làng nghề thủ công truyền thống như: rèn nông cụ, chạm khắc bạc, đan lát, dệt vải chàm, vải thổ cẩm, in hoa văn trang phục dân tộc bằng sáp ong, làm hương, ngói máng,... Trong đó, làng nghề rèn Pác Rằng là làng nghề rèn lâu đời, lớn nhất Việt Nam có từ thời Nùng Tồn Phúc đầu thế kỷ XI và làng nghề hương Phja Thắp cũng đã rất lâu đời, của đồng bào dân tộc Nùng An cũng đến hàng trăm năm tuổi và được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Về ẩm thực: Du khách đến với Cao Bằng như lạc vào "thiên đường" ẩm thực với các món ăn đậm đà bản sắc dân tộc: bánh Khẩu sli, bánh cuốn, phở chua, bánh Phù noòng, xôi trám, bánh khảo, vịt quay 7 vị, lợn sữa quay, bánh áp chao, bánh trứng kiến,... Một số sản vật được công nhận: lê Đông Khê lọt vào danh sách 50 trái cây nổi tiếng nhất Việt Nam năm 2012; bánh Coóng phù Cao Bằng lọt vào 50 món ăn đặc sản nổi tiếng Việt Nam năm 2015; lạp sườn vào Top món 05 đặc sản năm 2020; xôi Trám, bánh Coóng phù, hạt dẻ lọt vào danh sách 100 món ăn đặc sản nổi tiếng Việt Nam vào tháng 2/2021 cùng nhiều danh hiệu khác.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Giải thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

Điểm đến du lịch có sức hấp dẫn được xem là một trong những yếu tố quan trọng thu hút sự quan tâm của khách du lịch, đồng thời có thể là động lực cho khách du lịch ra quyết định đi du lịch

H1: Sức hấp dẫn điểm đến có ảnh hưởng thuận chiều đến phát triển du lịch cộng đồng tại vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng.

Khả năng tiếp cận điểm đến du lịch có thể được hiểu là quá trình tiếp cận được điểm đến thuận tiện dễ dàng từ việc tra cứu tìm kiếm các thông tin về điểm đến du lịch, khả năng đặt vé đến du lịch luôn sẵn sàng, có nhiều phương tiện giao thông đến điểm du lịch, khách dễ dàng tiếp cận và thuận tiện di chuyển giữa các điểm du lịch bên trong điểm đến.

H2: Khả năng tiếp cận điểm đến có ảnh hưởng thuận chiều đến phát triển du lịch cộng đồng tại vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng.

Cơ sở hạ tầng của điểm du lịch cộng đồng có thể được xây dựng riêng phục vụ cho các hoạt động du lịch hoặc là các tiện nghi dùng chung với cuộc sống sinh hoạt của người dân địa phương *(Smith, 1988).* Đây là nhân tố có tác động ảnh hưởng đến tâm lý và mức độ hài lòng của khách du lịch khi tiếp cận điểm đến.

H3: Cơ sở hạ tầng điểm đến ảnh hưởng thuận chiều đến phát triển du lịch cộng đồng tại vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng.

Sự tham gia của người dân địa phương là yếu tố quan trọng trong quy hoạch phát triển du lịch và sự hỗ trợ của cộng đồng là điều thiết yếu để đạt được sự phát triển du lịch bền vững (*Tosun, 2002)*

H4: Sự tham gia của người dân có ảnh hưởng thuận chiều đến phát triển du lịch cộng đồng tại vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng.

Sự hợp tác và hỗ trợ từ bên ngoài cộng đồng được hiểu là những sự liên kết, phối hợp cùng thực hiện du lịch cộng đồng giữa CĐĐP với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác bên ngoài cộng đồng (Hiwasaki, L, 2006), đây là cơ hội để cộng đồng tiếp cận, tạo ra những lợi thế cho phát triển du lịch cộng đồng.

H5: Sự hợp tác và hỗ trợ từ tổ chức bên ngoài có ảnh hưởng thuận chiều đến phát triển du lịch cộng đồng tại vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng.

Với những thảo luận trên, tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu:

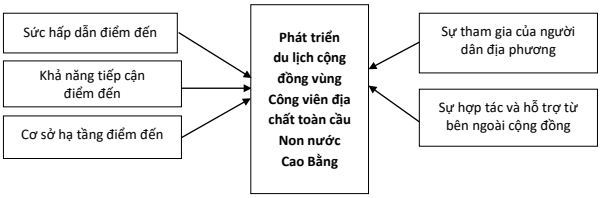

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện qua hai giai đoạn là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được dùng để lựa chọn các nhân tố đưa vào mô hình nghiên cứu và xây dựng thang đo phát triển du lịch cộng đồng. Nghiên cứu định lượng được sử dụng để đánh giá thang đo, kiểm định giả thuyết nghiên cứu và xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển du lịch cộng đồng.

Đối với nghiên cứu định tính: được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn và thảo luận với các chuyên gia gồm nhà quản lý và cán bộ doanh nghiệp, những người trực tiếp quản lý điều hành hoạt động du lịch tại vùng CVĐCTC Non nước Cao Bằng.

Đối với nghiên cứu định lượng: được thực hiện dựa trên số liệu thu được qua khảo sát trực tiếp 04 đối tượng là nhà quản lý, cán bộ doanh nghiệp, khách du lịch và người dân tại địa phương thông qua bảng câu hỏi được thiết kế sử dụng thang đo Likert 5 điểm. Số phiếu hợp lệ đưa vào chạy mô hình là 270 phiếu, dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS qua các bước: kiểm định hệ số Cronbach's Alpha nhằm sàng lọc các biến quan sát; phân tích nhân tố khám phá EFA để chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển các DLCĐ vùng CVĐCTC Non nước Cao Bằng; phân tích tương quan tính toán độ tin cậy tổng hợp và phương sai trích được để xem độ phù hợp của dữ liệu nghiên cứu; phân tích hồi quy nhằm đánh giá độ phù hợp của dữ liệu với mô hình lý thuyết, tìm ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLCĐ ở vùng CVĐCTC Non nước Cao Bằng và kiểm định giả thuyết.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định thang đo

Các thang đo sẽ được tiến hành kiểm định bằng công cụ Cronbach's Alpha, điều này sẽ giúp loại đi các biến quan sát không đạt yêu cầu hay các thang đo chưa đạt yêu cầu trong quá trình nghiên cứu. Để đảm bảo thang đo là tốt, chỉ những thang đo có Cronbach's Alpha >0,6 mới được chấp nhận, đồng thời chỉ chọn những quan sát có hệ số tương quan biến tổng >0,3.

Bảng 1. Kết quả kiểm định thang đo

Biến quan sát	Kí hiệu	Số biến quan sát ban đầu	Số biến quan sát sau khi loại các biến rác	Cronbach's Alpha
Sức hấp dẫn của điểm đến	HD	5	4	0,777
Khả năng tiếp cận điểm đến	TC	4	4	0,898
Sự tham gia du lịch cộng đồng của người dân địa phương	TG	4	4	0,907
Cơ sở hạ tầng điểm du lịch	CS	6	5	0,760
Sự hợp tác và hỗ trợ từ bên ngoài cộng đồng	HT	4	4	0,898
Sự phát triển du lịch cộng đồng	PT	6	4	0,832

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA đối với biến độc lập cho thấy kết quả kiểm định tương đối tốt. Hệ số KMO = 0,799 > 0,5, Initial Eigenvalues là 2,138 > 1; đối với bảng ma trận xoay nhân tố các biến có hệ số tải nhân tố (Factor loading) từ 0,5 trở lên được chọn; có 05 nhân tố được trích với tổng phương sai trích = 73,17%. Điều nay cho thấy các thang đo đạt giá trị phân biệt và giá trị hội tụ.

4.2. Phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết

Kết quả phân tích tương quan giữa 5 biến độc lập và biến phụ thuộc cho thấy các Peason đều gần bằng 1, các giá trị sig <0,01 nên có ý nghĩa về mặt thống kê. Như vậy, 5 nhân tố ảnh hưởng tới phát triển DLCĐ có mối tương quan với nhau và tương quan với phát triển du lịch cộng đồng.

Mô hình hồi quy có R^2 = 0,3332 và R^2 hiệu chỉnh = 0,319, khi kiểm định độ phù hợp của mô hình cho thấy mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05 (giá trị sig=0,000<0,05) chứng tỏ rằng có mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Vậy mô hình hồi qui được xây dựng là phù hợp với bộ dữ liệu thu thập được. Kết quả phân tích mô hình hồi quy (bảng 2).

Bảng 2 cho thấy tất cả các giả thuyết nghiên cứu để xuất trong mô hình lý thuyết được chấp nhận, phương trình hồi quy được viết như sau:

PT = 0,215 + 0,156*HD + 0,159*TC + 0,373*CS + 0,166*TG + 0,117*HT

Bảng 2. Hệ số hồi quy

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
1	(Constant)	0,215	0,360		,597	,551		
	Sức hấp dẫn điểm đến (HD)	0,156	0,058	0,138	2,700	0,007	0,973	1,028
	Khả năng tiếp cận điểm đến (TC)	0,159	0,061	0,134	2,609	0,010	0,952	1,050
	Cơ sở hạ tầng điểm đến (CS)	0,373	0,048	0,418	7,827	0,000	0,886	1,129
	Sự tham gia người dân địa phương (TG)	0,166	0,060	0,141	2,777	0,006	0,980	1,021
	Sự hợp tác và hỗ trợ từ bên ngoài cộng đồng (HT)	0,117	0,050	0,125	2,340	0,020	0,886	1,129

Nguồn: Xử lý dữ liệu điều tra của tác giả

Kết luận

Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số ngành Du lịch là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu đưa ngành Du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Nhiệm vụ và giải pháp tập trung cho du lịch phát triển cần phải được chú trọng đến giải pháp cụ thể chuyển đổi số, đồng bộ về dữ liệu trong phát triển ngành Du lịch. Theo đó, Vùng Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng với tiềm năng du lịch sẵn có, tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa và giá trị lịch sử nhân văn to lớn cần lựa chọn lộ trình hoạt động du lịch dựa trên nền tảng công nghệ AI, Big Data, công nghệ số… đặc biệt là trong việc quảng bá hình ảnh du lịch trên nền tảng công nghệ nhằm thúc đẩy DLCĐ vùng CVĐC Non nước Cao Bằng phát triển bền vững. Từ đó, sẽ nâng cao lợi thế cạnh tranh của ngành du lịch, phát triển DLCĐ cho vùng và đáp ứng được tiêu chuẩn đặt ra của Mạng lưới CVĐC toàn cầu cũng như hoàn thành sứ mệnh quan trọng của CVĐC toàn cầu UNESCO đã giao phó.

Tài liệu tham khảo:

Bùi Hải Yến (2012), Du lịch cộng đồng, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Chuyển đổi số trong hoạt động du lịch và yêu cầu đặt ra đối với đào tạo nhân lực du lịch. https://vietnamtourism.gov.vn/post/42949

Cục thống kê tỉnh Cao Bằng (2023 - 2024), Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng 2021 - 2024.

Google Travel Insights (2023), Consumer behavior trends in global tourism. https://www.google.com/travel/insights.

Hiwasaki, L. (2006), Community-Based Tourism: A Pathway to Sustainability for Japan's Protected Areas, Society and Natural Resources.

Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với với SPSS, Nxb Hồng Đức.

Smith, V.L, & Eadington, W.R. (Eds.). (1992), Tourism alternatives: Potentials and problems in the development of tourism, Philadelphia, University of PennsylvaniaPress.

Thủ tướng Chính phủ (2018). Quyết định số 1671/QĐ-TT ngày 30/11/2018 phê duyệt "Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025".

Tosun,C.(2002), Host perception so fim pacts: a comparative tourism study

VNCERT (2024). Báo cáo về các vụ tấn công mạng vào ngành Du lịch Việt Nam.